

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**CHÍNH PHỦ****CHÍNH PHỦ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 29/2014/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2014

NGHỊ ĐỊNH**Quy định về thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản và quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước***Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;**Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;**Căn cứ Bộ luật Hình sự ngày 21 tháng 12 năm 1999 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự ngày 19 tháng 6 năm 2009;**Căn cứ Bộ luật Tổ tụng hình sự ngày 26 tháng 11 năm 2003;**Căn cứ Luật Hải quan ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan ngày 14 tháng 6 năm 2005;**Căn cứ Luật Thi hành án dân sự ngày 14 tháng 11 năm 2008;**Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;**Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03 tháng 6 năm 2008;**Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,**Chính phủ ban hành Nghị định quy định về thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản và quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước.***Chương I****QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định về thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản và việc quản lý, xử lý đối với tài sản sau khi được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước theo quy định của pháp luật đối với các loại tài sản sau đây:

1. Tài sản bị tịch thu theo quy định của pháp luật.

2. Tài sản vô chủ, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên, tài sản bị chôn giấu, bị chìm đắm, di sản không người thừa kế, hàng hóa tồn đọng trong khu vực giám sát hải quan.

3. Tài sản do các tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước.

4. Tài sản của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước.

3. Các tổ chức, cá nhân khác liên quan đến việc xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản và quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước.

Điều 3. Tài sản thuộc đối tượng được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước

1. Tài sản bị tịch thu theo quy định của pháp luật là tài sản thuộc sở hữu của các tổ chức, cá nhân nhưng do phạm tội, vi phạm hành chính mà bị tịch thu theo bản án, quyết định của tòa án, quyết định của cấp có thẩm quyền khác, bao gồm:

a) Tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu;

b) Vật chứng vụ án, một phần hoặc toàn bộ tài sản thuộc sở hữu của người bị kết án bị tịch thu theo quy định của pháp luật về hình sự và tố tụng hình sự (sau đây gọi tắt là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu).

2. Tài sản vô chủ, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên, tài sản bị chôn giấu, bị chìm đắm, di sản không người thừa kế, hàng hóa tồn đọng trong khu vực giám sát hải quan được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước, bao gồm:

a) Bất động sản vô chủ hoặc không xác định được chủ sở hữu được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước (sau đây gọi tắt là bất động sản vô chủ);

b) Tài sản bị đánh rơi, bỏ quên không xác định được chủ sở hữu hoặc chủ sở hữu không đến nhận được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước (sau đây gọi tắt là tài sản bị đánh rơi, bỏ quên);

c) Tài sản bị chôn giấu, bị chìm đắm được phát hiện hoặc tìm thấy thuộc đất liền, các hải đảo và vùng biển Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán mà tại thời điểm phát hiện hoặc tìm thấy không có hoặc không xác định được chủ sở hữu theo quy định của pháp luật (sau đây gọi tắt là tài sản bị chôn giấu, bị chìm đắm);

d) Tài sản là di sản không có người thừa kế theo di chúc, theo pháp luật hoặc có người thừa kế nhưng người đó không được quyền hưởng di sản hoặc từ chối nhận di sản sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước (sau đây gọi tắt là di sản không người thừa kế);

đ) Tài sản là hàng hóa tồn đọng trong khu vực giám sát hải quan tại cảng biển, cảng hàng không, kho ngoại quan, doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính không có người đến nhận (sau đây gọi tắt là hàng hóa tồn đọng).

3. Tài sản do các tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước bao gồm: Tài sản do tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, biếu, tặng cho, đóng góp, viện trợ, tài trợ và các hình thức chuyển giao quyền sở hữu khác cho Nhà nước Việt Nam.

4. Tài sản của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài mà nhà đầu tư nước ngoài đã cam kết chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam sau khi kết thúc thời hạn hoạt động.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện thủ tục xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản và quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước

1. Việc xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản phải được lập thành văn bản và phải tuân theo trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật trên cơ sở bảo vệ quyền lợi của Nhà nước, tôn trọng quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức và cá nhân có liên quan.

2. Việc quản lý nhà nước đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước được thực hiện thống nhất, có phân công, phân cấp rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan.

3. Việc xác định giá trị và tổ chức xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước thực hiện theo cơ chế thị trường.

4. Việc xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản và quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước được thực hiện công khai, minh bạch; mọi hành vi vi phạm phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước

Cơ quan, tổ chức, đơn vị (sau đây gọi tắt là đơn vị) chủ trì quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước được quy định như sau:

1. Đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu:

a) Cơ quan trình cấp có thẩm quyền ra quyết định tịch thu là đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản trong trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là cấp tỉnh) hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi tắt là cấp huyện) ra quyết định tịch thu;

b) Cơ quan của người ra quyết định tịch thu là đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản trong các trường hợp còn lại.

2. Đối với vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu theo quy định của pháp luật về hình sự, tố tụng hình sự và đã có quyết định thi hành án của cơ quan có thẩm quyền, Sở Tài chính là đơn vị chủ trì quản lý, xử lý đối với tài sản do cơ quan thi hành án cấp tỉnh và cơ quan thi hành án cấp quân khu chuyển giao, Phòng Tài chính Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (sau đây gọi tắt là Phòng Tài chính Kế hoạch) là đơn vị chủ trì quản lý, xử lý đối với tài sản do cơ quan thi hành án cấp huyện chuyển giao.

3. Đối với vật chứng vụ án do cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát ra quyết định tịch thu, cơ quan đã ra quyết định tịch thu là đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản.

4. Đối với bất động sản vô chủ, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên, di sản không có người thừa kế, Sở Tài chính là đơn vị chủ trì quản lý, xử lý đối với bất động sản, di tích lịch sử - văn hóa, Phòng Tài chính Kế hoạch là đơn vị chủ trì quản lý, xử lý đối với động sản; trường hợp một vụ việc bao gồm nhiều loại tài sản khác nhau (bất động sản hoặc di tích lịch sử - văn hóa và động sản) thì Sở Tài chính là đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản.

5. Đối với tài sản bị chôn giấu, bị chìm đắm, Sở Tài chính là đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản.

6. Đối với hàng hóa tồn đọng trong khu vực giám sát hải quan, Cục Hải quan là đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản.

7. Đối với tài sản do các tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho nhà nước Việt Nam mà khi chuyển giao đã xác định cụ thể cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng thì cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng tài sản là đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản.

8. Đối với tài sản do các tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho nhà nước Việt Nam mà khi chuyển giao không xác định cụ thể cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao trách nhiệm chủ trì quản lý, xử lý tài sản như sau:

a) Đối với tài sản của các dự án do các chuyên gia, nhà thầu, tư vấn nước ngoài thực hiện dự án sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức và nguồn viện trợ không hoàn lại chuyển giao cho nhà nước Việt Nam, Ban quản lý dự án là đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản; trường hợp Ban quản lý dự án đã bị giải thể thì cơ quan chủ quản dự án là đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản;

b) Đối với tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng thuộc lĩnh vực quốc phòng, Bộ Quốc phòng hoặc đơn vị được Bộ Quốc phòng phân cấp là đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản;

c) Đối với tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng thuộc lĩnh vực an ninh, Bộ Công an hoặc đơn vị được Bộ Công an phân cấp là đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản;

d) Đối với tài sản không thuộc phạm vi quy định tại các Điểm a, b và c Khoản này chuyển giao cho Chính phủ, Bộ Tài chính hoặc đơn vị được Bộ Tài chính phân cấp là đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản;

đ) Đối với tài sản không thuộc phạm vi quy định tại các Điểm a, b và c Khoản này chuyển giao cho chính quyền địa phương, Sở Tài chính là đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản.

9. Đối với tài sản của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết, Sở Tài chính là đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản.

Điều 6. Trách nhiệm của đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước

1. Thực hiện việc bảo quản tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước từ khi được tiếp nhận đến khi hoàn thành việc xử lý theo quyết định của cấp có thẩm quyền, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Làm thủ tục để báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản.

3. Lập phương án xử lý tài sản hoặc báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lập phương án xử lý, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Tổ chức xử lý hoặc phối hợp xử lý tài sản sau khi phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Thanh toán các chi phí có liên quan và phần giá trị tài sản thuộc về tổ chức, cá nhân phát hiện theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác được quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

Điều 7. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Lợi dụng, lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước dưới mọi hình thức.

2. Không báo cáo, lập phương án xử lý trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Nghị định này.

3. Không triển khai thực hiện đúng thời gian quy định việc xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước theo phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc quy định của pháp luật.

4. Gây thất thoát, hư hỏng tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước.

5. Các hành vi bị nghiêm cấm khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Chương II

THẨM QUYỀN, THỦ TỤC XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU CỦA NHÀ NƯỚC VỀ TÀI SẢN

Điều 8. Thẩm quyền xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản

1. Thẩm quyền quyết định tịch thu đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Thẩm quyền quyết định tịch thu đối với vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án thực hiện theo quy định của pháp luật về hình sự, pháp luật về tố tụng hình sự và pháp luật về thi hành án dân sự.

3. Đối với tài sản vô chủ, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên, tài sản bị chôn giấu, bị chìm đắm, di sản không người thừa kế, hàng hóa tồn đọng:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu của Nhà nước theo quy định của pháp luật đối với: Tài sản bị chôn giấu, bị chìm đắm; bất động sản vô chủ, bất động sản không có người thừa kế, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên là di tích lịch sử - văn hóa; tài sản của các vụ việc xử lý bao gồm cả bất động sản hoặc di tích lịch sử - văn hóa và động sản;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xác lập quyền sở hữu của Nhà nước theo quy định của pháp luật đối với các trường hợp không thuộc phạm vi tại Điểm a, Điểm c Khoản này;

c) Cục trưởng Cục Hải quan quyết định xác lập quyền sở hữu của Nhà nước theo quy định của pháp luật đối với hàng hóa tồn đọng trong khu vực giám sát hải quan.

4. Đối với tài sản do tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam, thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu của Nhà nước được quy định như sau:

a) Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định theo đề nghị của Bộ, cơ quan trung ương đối với tài sản là bất động sản, xe ô tô, các tài sản khác (không phải là bất động sản, xe ô tô) có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản chuyển giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Trung ương quản lý trừ các tài sản quy định tại Điểm b, Điểm c Khoản này;

b) Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định hoặc phân cấp quyết định đối với tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng thuộc lĩnh vực quốc phòng;

c) Bộ trưởng Bộ Công an quyết định hoặc phân cấp quyết định đối với tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng thuộc lĩnh vực an ninh;

d) Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định hoặc phân cấp quyết định đối với các tài sản không thuộc phạm vi các Điểm a, b và c Khoản này chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan Trung ương;

đ) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc người có thẩm quyền được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp quyết định đối với tài sản chuyên giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương, trừ các tài sản quy định tại Điểm b, Điểm c Khoản này.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định xác lập sở hữu Nhà nước theo quy định của pháp luật đối với tài sản của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyên giao cho nhà nước Việt Nam theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động.

Điều 9. Thủ tục quyết định tịch thu đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án

Thủ tục quyết định tịch thu đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, pháp luật về tố tụng hình sự, pháp luật về thi hành án dân sự.

Điều 10. Thủ tục xác lập quyền sở hữu của Nhà nước đối với tài sản bị đánh rơi, bỏ quên

1. Trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành thủ tục xác định chủ sở hữu của tài sản bị đánh rơi, bỏ quên theo quy định của pháp luật về dân sự, cơ quan đã tiếp nhận thông tin về tài sản bị đánh rơi, bỏ quên (Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an sở tại) có trách nhiệm lập hồ sơ gửi Phòng Tài chính Kế hoạch đối với tài sản bị đánh rơi, bỏ quên thuộc về Nhà nước.

Hồ sơ gửi Phòng Tài chính Kế hoạch bao gồm:

- a) Báo cáo quá trình xác định chủ sở hữu tài sản từ khi phát hiện; căn cứ xác định tài sản thuộc về Nhà nước;
- b) Bảng kê chủng loại, số lượng, khối lượng, giá trị, hiện trạng của tài sản;
- c) Biên bản giao nộp tài sản của người nhặt được hoặc người phát hiện tài sản bị đánh rơi, bỏ quên;
- d) Các hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc xử lý tài sản (nếu có).

2. Đối với tài sản bị đánh rơi, bỏ quên quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 8 Nghị định này, trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại Khoản 1 Điều này, Phòng Tài chính Kế hoạch có trách nhiệm lập Tờ trình kèm hồ sơ quy định tại Khoản 1 Điều này trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xác lập quyền sở hữu của Nhà nước.

Đối với tài sản bị đánh rơi, bỏ quên quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 8 Nghị định này, trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại Khoản 1 Điều này, Phòng Tài chính Kế hoạch có trách nhiệm lập Tờ trình kèm hồ sơ quy định tại Khoản 1 Điều này, gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện để gửi Sở Tài chính để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu của Nhà nước.

Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ do Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi, Sở Tài chính có trách nhiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để quyết định xác lập quyền sở hữu của Nhà nước đối với tài sản bị đánh rơi, bỏ quên quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 8 Nghị định này.

3. Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại Khoản 2 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản.

Điều 11. Thủ tục xác lập quyền sở hữu của Nhà nước đối với bất động sản vô chủ

1. Trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành thủ tục xác định chủ sở hữu theo quy định của pháp luật về dân sự mà không xác định được ai là chủ sở hữu của bất động sản, cơ quan đã tiếp nhận thông tin về bất động sản vô chủ (Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an sở tại) có trách nhiệm lập hồ sơ gửi Phòng Tài chính Kế hoạch.

Hồ sơ gửi Phòng Tài chính Kế hoạch bao gồm:

- a) Báo cáo quá trình xác định chủ sở hữu đối với bất động sản từ khi phát hiện;
- b) Bảng kê địa điểm, diện tích, hiện trạng bất động sản;
- c) Các hồ sơ, tài liệu liên quan đến quá trình xác định chủ sở hữu đối với bất động sản (nếu có).

2. Trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại Khoản 1 Điều này, Phòng Tài chính Kế hoạch có trách nhiệm lập Tờ trình kèm hồ sơ quy định tại Khoản 1 Điều này, gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện để gửi Sở Tài chính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu của Nhà nước.

3. Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại Khoản 2 Điều này, Sở Tài chính có trách nhiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản.

4. Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ của Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản.

Điều 12. Thủ tục xác lập quyền sở hữu của Nhà nước đối với tài sản bị chôn giấu, bị chìm đắm

1. Trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành thủ tục xác định chủ sở hữu theo quy định của pháp luật về dân sự mà không xác định được ai là chủ sở hữu của tài sản bị chôn giấu, bị chìm đắm, Sở Tài chính có trách nhiệm lập hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu của Nhà nước.

Hồ sơ đề nghị xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản bao gồm:

- a) Báo cáo quá trình xác định chủ sở hữu đối với tài sản bị chôn giấu, bị chìm đắm từ khi phát hiện;

b) Bảng kê chủng loại, số lượng, khối lượng, hiện trạng của tài sản;

c) Các hồ sơ, tài liệu liên quan đến quá trình xác định chủ sở hữu đối với tài sản (nếu có).

2. Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại Khoản 1 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản.

Điều 13. Thủ tục xác lập quyền sở hữu của Nhà nước đối với di sản không có người thừa kế

1. Trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản từ chối quyền hưởng di sản của người thừa kế hoặc bản án, quyết định của Tòa án xác định người đó không được quyền hưởng di sản thừa kế theo quy định của pháp luật về dân sự, cơ quan công chứng hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi mở thừa kế có trách nhiệm lập hồ sơ gửi Phòng Tài chính Kế hoạch.

Hồ sơ gửi Phòng Tài chính Kế hoạch bao gồm:

a) Báo cáo quá trình mở thừa kế đối với di sản;

b) Bảng kê chủng loại, số lượng, khối lượng, hiện trạng của di sản;

c) Các hồ sơ, tài liệu liên quan đến quá trình mở thừa kế, văn bản từ chối quyền hưởng di sản, bản án hoặc quyết định của Tòa án xác định người không được quyền hưởng di sản thừa kế (nếu có).

2. Trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại Khoản 1 Điều này, Phòng Tài chính Kế hoạch có trách nhiệm lập Tờ trình kèm hồ sơ quy định tại Khoản 1 Điều này, gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện để quyết định xác lập quyền sở hữu của Nhà nước đối với di sản không có người thừa kế quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 8 Nghị định này, gửi Sở Tài chính để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu của Nhà nước đối với di sản không có người thừa kế quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 8 Nghị định này.

Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ do Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi, Sở Tài chính có trách nhiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu của Nhà nước đối với di sản không có người thừa kế quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 8 Nghị định này.

3. Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại Khoản 2 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản.

Điều 14. Thủ tục xác lập quyền sở hữu của Nhà nước đối với hàng hóa tồn đọng

1. Trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành thủ tục xác định chủ sở hữu và kiểm kê, phân loại, định giá hàng hóa tồn đọng theo quy định của pháp luật về hải quan mà không có người đến nhận, cơ quan Hải quan nơi có hàng hóa

tồn đọng có trách nhiệm lập hồ sơ trình Cục trưởng Cục Hải quan quyết định xác lập quyền sở hữu của Nhà nước.

Hồ sơ đề nghị xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản bao gồm:

- a) Tờ trình đề nghị xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản;
- b) Bảng kê chủng loại, số lượng, khối lượng, hiện trạng của tài sản;
- c) Các hồ sơ, tài liệu liên quan đến quá trình thông báo về tài sản và các hồ sơ, tài liệu khác (nếu có);
- d) Văn bản thông báo từ bỏ hàng hóa hoặc tài liệu chứng minh (nếu có).

2. Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại Khoản 1 Điều này, Cục trưởng Cục Hải quan quyết định xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản.

Điều 15. Thủ tục xác lập quyền sở hữu của Nhà nước đối với tài sản do các tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước

1. Khi được các tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển giao quyền sở hữu về tài sản, cơ quan, tổ chức, đơn vị được đề nghị tiếp nhận tài sản căn cứ vào các quy định hiện hành của pháp luật xác định tính phù hợp của việc tiếp nhận tài sản chuyển giao và phải chịu trách nhiệm về việc xác định đó.

2. Trường hợp xác định việc tiếp nhận tài sản chuyển giao là phù hợp với quy định của pháp luật thì trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận tài sản, cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm lập hồ sơ, gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình cấp có thẩm quyền quy định tại Khoản 4 Điều 8 Nghị định này xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản.

Hồ sơ đề nghị xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản bao gồm:

- a) Tờ trình đề nghị xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản;
- b) Bảng kê chủng loại, số lượng, khối lượng, giá trị, hiện trạng của tài sản;
- c) Hợp đồng tặng cho tài sản trong trường hợp chuyển giao dưới hình thức tặng cho và theo quy định của pháp luật phải lập thành hợp đồng;
- d) Các hồ sơ, tài liệu chứng minh quyền sở hữu, quyền sử dụng của tài sản chuyển giao và hình thức chuyển giao (nếu có).

3. Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại Khoản 2 Điều này, cấp có thẩm quyền quy định tại Khoản 4 Điều 8 Nghị định này quyết định xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản.

Điều 16. Thủ tục xác lập quyền sở hữu của Nhà nước đối với tài sản của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao theo cam kết

1. Chậm nhất là 30 ngày trước ngày kết thúc thời hạn hoạt động theo Giấy phép đầu tư, cơ quan cấp giấy phép đầu tư có trách nhiệm thông báo cho Sở Tài chính nơi doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đóng trụ sở về các trường hợp doanh nghiệp cam kết chuyển giao tài sản cho Nhà nước Việt Nam khi kết thúc hoạt động.

2. Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan cấp giấy phép đầu tư, Sở Tài chính có trách nhiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng kiểm kê, phân loại tài sản. Thành phần Hội đồng do lãnh đạo Sở Tài chính làm chủ tịch, có đại diện của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan.

Hội đồng có trách nhiệm:

- a) Tiếp nhận tài sản từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao;
- b) Thực hiện kiểm kê, phân loại tài sản và lập bảng kê chi tiết chủng loại, số lượng, khối lượng, giá trị, hiện trạng của tài sản;
- c) Bảo quản tài sản trong thời gian chờ xử lý.

3. Căn cứ trên kết quả kiểm kê, phân loại của Hội đồng, Sở Tài chính có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản đối với tài sản của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao theo cam kết.

Hồ sơ đề nghị xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản bao gồm:

- a) Tờ trình đề nghị xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản;
- b) Bảng kê chủng loại, số lượng, khối lượng, giá trị, hiện trạng của tài sản;
- c) Văn bản thể hiện cam kết chuyển giao tài sản cho Nhà nước Việt Nam khi kết thúc hoạt động của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;
- d) Các hồ sơ, tài liệu liên quan đến tài sản (nếu có).

3. Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại Khoản 2 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản.

Chương III **QUẢN LÝ, XỬ LÝ TÀI SẢN ĐƯỢC XÁC LẬP** **QUYỀN SỞ HỮU CỦA NHÀ NƯỚC**

Mục 1 **QUẢN LÝ, XỬ LÝ TÀI SẢN LÀ TANG VẬT, PHƯƠNG TIỆN** **VI PHẠM HÀNH CHÍNH BỊ TỊCH THU**

Điều 17. Bảo quản tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu

1. Đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định này có trách nhiệm bảo quản tài sản trong thời gian chờ xử lý, trừ các tài sản được quy định tại Khoản 2 Điều này.

Trường hợp đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định này không có kho bãi để bảo quản tài sản hoặc tài sản là máy móc,

thiết bị đã cố định, khó tháo dỡ thì được ủy quyền hoặc ký hợp đồng thuê với cơ quan, tổ chức có đủ điều kiện về cơ sở vật chất, kho tàng để bảo quản. Việc ủy quyền hoặc thuê bảo quản tài sản phải được lập thành hợp đồng theo quy định của pháp luật.

2. Các tài sản sau đây thì phải chuyển giao cho các cơ quan quản lý chuyên ngành để bảo quản:

a) Tài sản là vật có giá trị lịch sử, giá trị văn hóa, bảo vật quốc gia, cổ vật được chuyển giao cho cơ quan quản lý văn hóa;

b) Tài sản là vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ, trang thiết bị đặc chủng và các tài sản khác liên quan đến quốc phòng, an ninh được chuyển giao cho đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân;

c) Tài sản là tiền Việt Nam, ngoại tệ, chứng chỉ có giá, vàng, bạc, đá quý, kim loại quý được chuyển giao cho Kho bạc Nhà nước;

d) Tài sản là lâm sản quý hiếm không được sử dụng vào mục đích thương mại được chuyển giao cho cơ quan Dự trữ Nhà nước hoặc cơ quan Kiểm lâm. Trong trường hợp lâm sản là động vật rừng bị thương, ốm, yếu cần cứu hộ thì chuyển cho Trung tâm cứu hộ động vật hoặc cơ quan thú y nơi gần nhất để cứu chữa trước khi chuyển giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành.

Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan có liên quan công bố danh sách cụ thể các cơ quan quản lý chuyên ngành quy định tại Khoản này.

3. Việc bàn giao tài sản cho các cơ quan quản lý chuyên ngành quy định tại Khoản 2 Điều này để bảo quản phải lập thành biên bản có xác nhận của bên giao, bên nhận và bên chứng kiến (cơ quan tài chính cùng cấp). Bộ Tài chính quy định nội dung, biểu mẫu, danh mục hồ sơ kèm theo Biên bản bàn giao.

4. Các cơ quan quản lý chuyên ngành quy định tại Khoản 2 Điều này có trách nhiệm tiếp nhận tài sản chuyển giao, thực hiện việc bảo quản tài sản theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 18. Hình thức xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu

1. Chuyển giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành để quản lý và xử lý đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là ma túy, vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ, trang thiết bị đặc chủng và các tài sản khác liên quan đến quốc phòng, an ninh, vật có giá trị lịch sử, giá trị văn hóa, bảo vật quốc gia, cổ vật, hàng lâm sản quý hiếm, vật thuộc loại cấm lưu hành và các tài sản khác không được phép lưu hành.

Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan có liên quan công bố danh sách cụ thể các cơ quan quản lý chuyên ngành quy định tại Khoản này.

2. Chuyển giao cho cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội để quản lý, sử dụng đối với tài sản là phương tiện vận tải, máy móc, trang thiết bị và phương tiện làm việc, thiết bị phục vụ công tác chuyên môn theo tiêu chuẩn, định mức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

3. Nộp vào ngân sách nhà nước đối với tang vật là tiền Việt Nam, ngoại tệ.

4. Tiêu hủy đối với tài sản không còn giá trị sử dụng hoặc buộc phải tiêu hủy theo quy định của pháp luật; trường hợp đặc biệt cần xử lý theo hình thức khác để đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả thì đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản báo cáo Bộ Tài chính hoặc báo cáo cơ quan cấp trên (nếu có) để báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định xử lý.

5. Thực hiện bán đấu giá đối với tài sản không thuộc phạm vi quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này; trường hợp đã hết thời hạn đăng ký tham gia đấu giá mà chỉ có một người đăng ký mua tài sản bán đấu giá và trả giá ít nhất bằng giá khởi điểm thì tài sản được bán cho người đó.

6. Thanh lý đối với tài sản đã tổ chức bán đấu giá 02 lần nhưng không bán được.

7. Việc xử lý đối với hàng hóa, vật phẩm dễ bị hư hỏng thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 126 Luật Xử lý vi phạm hành chính và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 19. Quyết định chuyển giao tài sản

1. Đối với các tài sản quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 18 Nghị định này, đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định này phải gửi quyết định tịch thu cho cơ quan tài chính cùng cấp, cụ thể:

a) Đối với các tài sản do người có thẩm quyền thuộc cơ quan trung ương ra quyết định tịch thu gửi về Bộ Tài chính;

b) Đối với các tài sản do người có thẩm quyền thuộc cơ quan địa phương ra quyết định tịch thu gửi về Sở Tài chính.

2. Khi nhận được quyết định tịch thu do đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản gửi, cơ quan tài chính quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 1 Điều này chủ trì, phối hợp với đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản căn cứ vào tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản và nhu cầu sử dụng tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị, trình cấp có thẩm quyền quyết định chuyển giao tài sản cho cơ quan quản lý chuyên ngành hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng, cụ thể:

a) Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định: Chuyển giao tài sản quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này; chuyển giao tài sản quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý hoặc điều chuyển tài sản cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương khác;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chuyển giao tài sản quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

3. Trường hợp không thực hiện chuyển giao được thì tài sản được xử lý theo hình thức bán đấu giá quy định tại Khoản 5 Điều 18 Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 20. Tổ chức xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu

1. Việc tổ chức xử lý tài sản được thực hiện đối với tài sản của từng vụ việc xử phạt hành chính bị tịch thu.

Trường hợp giá trị tài sản bị tịch thu của một vụ việc thấp (dưới 100 triệu đồng/01 vụ việc) thì đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản có thể tổng hợp tài sản của nhiều vụ việc để xử lý một lần.

2. Đối với tài sản chuyển giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành để quản lý, xử lý quy định tại Khoản 1 Điều 18 Nghị định này, đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định này tổ chức bàn giao tài sản cho cơ quan quản lý chuyên ngành theo quyết định của cấp có thẩm quyền quy định tại Khoản 2 Điều 19 Nghị định này. Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành Biên bản theo mẫu do Bộ Tài chính quy định.

Sau khi tiếp nhận tài sản, cơ quan quản lý chuyên ngành có trách nhiệm quản lý, xử lý tài sản được tiếp nhận theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Đối với tài sản chuyển giao cho cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội để quản lý, sử dụng theo quyết định của cấp có thẩm quyền, đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định này tổ chức bàn giao tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận theo quyết định của cấp có thẩm quyền quy định tại Khoản 2 Điều 19 Nghị định này.

Việc tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành Biên bản theo mẫu do Bộ Tài chính quy định.

Cơ quan, tổ chức, đơn vị nhận tài sản chuyển giao có trách nhiệm hạch toán tăng tài sản, thực hiện quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

4. Đối với tài sản là tiền Việt Nam thì Kho bạc Nhà nước thực hiện hạch toán nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Đối với tài sản là ngoại tệ thì đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản nộp vào tài khoản ngoại tệ của Kho bạc Nhà nước tại ngân hàng; Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm mua toàn bộ số ngoại tệ trên để chuyển nộp ngân sách nhà nước bằng đồng Việt Nam theo quy định.

5. Đối với tài sản quy định tại Khoản 4 Điều 18 Nghị định này, đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định này chủ trì, phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp và các cơ quan có chức năng thực hiện tiêu hủy các tài sản theo quy định của pháp luật.

Tùy thuộc vào tính chất, đặc điểm của hàng hóa, vật phẩm và yêu cầu đảm bảo vệ sinh môi trường, việc tiêu hủy được thực hiện theo các hình thức gồm: Sử dụng hóa chất; sử dụng biện pháp cơ học; hủy đốt; hủy chôn; hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Việc tiêu hủy tài sản phải được lập biên bản. Nội dung chủ yếu của biên bản gồm có: Căn cứ thực hiện tiêu hủy; thời gian, địa điểm tiêu hủy; thành phần tham gia tiêu hủy; tên, chủng loại, số lượng, hiện trạng của tài sản tại thời điểm tiêu hủy; hình thức tiêu hủy và các nội dung khác có liên quan.

Trường hợp tài sản quy định tại Khoản 4 Điều 18 Nghị định này được xử lý theo hình thức khác thì thực hiện theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

6. Đối với tài sản bán đấu giá quy định tại Khoản 5 Điều 18 Nghị định này, đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định này phối hợp với các cơ quan có chức năng thực hiện bán tài sản theo quy định tại Điều 21 Nghị định này.

7. Đối với tài sản thanh lý quy định tại Khoản 6 Điều 18 Nghị định này, đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản thành lập Hội đồng thanh lý tài sản để thực hiện việc thanh lý. Hội đồng thanh lý tài sản do lãnh đạo đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản làm Chủ tịch Hội đồng; các thành viên khác bao gồm: Đại diện cơ quan tài chính cùng cấp; đại diện bộ phận chuyên môn của đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản; đại diện cơ quan, đơn vị có liên quan.

Hội đồng thanh lý tài sản có trách nhiệm phân loại tang vật, phương tiện vi phạm hành chính cần thanh lý để thực hiện theo một trong các hình thức sau:

- a) Bán trực tiếp cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu mua;
- b) Phá dỡ, hủy bỏ đối với các tang vật, phương tiện vi phạm hành chính không thể tiếp tục sử dụng được và không bán được.

Việc tổ chức thanh lý được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

Điều 21. Bán đấu giá tài sản

1. Đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định này ký hợp đồng bán đấu giá với tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp hoặc thành lập Hội đồng bán đấu giá (trong trường hợp không thuê được tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp) theo quy định tại Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính và quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản.

2. Việc xác định giá khởi điểm: Đơn giá và giá trị của tang vật, phương tiện phải chuyển giao để bán đấu giá xác định theo quy định tại Điều 60 Luật Xử lý vi phạm hành chính là giá khởi điểm để tổ chức bán đấu giá.

Trong các trường hợp sau đây thì phải thành lập Hội đồng để xác định giá khởi điểm:

a) Tang vật, phương tiện vi phạm hành chính khi chuyển giao để bán đấu giá chưa được xác định giá trị;

b) Thời điểm dự kiến tổ chức bán đấu giá vượt quá 60 ngày, kể từ ngày xác định giá trị tang vật vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 60 của Luật Xử lý vi phạm hành chính;

c) Giá trị tang vật đã được xác định theo quy định tại Điều 60 của Luật Xử lý vi phạm hành chính chênh lệch (cao hơn hoặc thấp hơn) từ 10% trở lên so với giá của tài sản cùng loại theo thông báo giá của Sở Tài chính tại thời điểm chuyển giao để bán đấu giá.

Nguyên tắc làm việc, chế độ tài chính của Hội đồng xác định giá khởi điểm; nguyên tắc, phương pháp và trình tự xác định giá khởi điểm thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

3. Trình tự, thủ tục bán đấu giá tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản.

Mục 2

QUẢN LÝ, XỬ LÝ VẬT CHỨNG VỤ ÁN, TÀI SẢN CỦA NGƯỜI BỊ KẾT ÁN BỊ TỊCH THU

Điều 22. Bảo quản tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu

1. Đối với vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu đã có quyết định thi hành án thì trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có quyết định thi hành án, cơ quan thi hành án dân sự phải thông báo bằng văn bản và tiến hành giao vật chứng, tài sản tạm giữ cho đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản quy định tại Khoản 2 Điều 5 Nghị định này.

Khi chuyển giao vật chứng, tài sản bị tịch thu phải kèm theo quyết định thi hành án, bản án, quyết định hoặc bản sao bản án, quyết định do cơ quan thi hành án dân sự sao y bản chính.

Việc chuyển giao vật chứng, tài sản bị tịch thu phải có sự tham gia của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự hoặc người được Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ủy quyền, kế toán, thủ kho và đại diện cơ quan tài chính. Việc giao, nhận vật chứng, tài sản được lập biên bản, mô tả cụ thể thực trạng vật chứng, tài sản, có chữ ký của người đại diện và dấu của cơ quan bên giao, chữ ký của người đại diện và dấu của cơ quan bên nhận (nếu có).

Sau khi cơ quan thi hành án chuyển giao, cơ quan tài chính thực hiện việc bảo quản tài sản theo quy định tại Điều 17 Nghị định này.

2. Đối với vật chứng vụ án do cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát ra quyết định tịch thu thì đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản quy định tại Khoản 3 Điều 5 Nghị định này thực hiện việc bảo quản theo quy định tại Điều 17 Nghị định này.

Điều 23. Lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu

1. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận bàn giao tài sản từ cơ quan thi hành án (đối với tài sản có quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày ra quyết định tịch thu (đối với tài sản do cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát ra quyết định tịch thu), đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 5 Nghị định này có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản để trình cấp có thẩm quyền quy định tại Khoản 3 Điều này phê duyệt. Nội dung chủ yếu của phương án xử lý tài sản bao gồm: Chung loại, số lượng, hiện trạng tài sản và hình thức xử lý đối với từng loại tài sản.

2. Hình thức xử lý tài sản:

a) Chuyển giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành để quản lý, xử lý đối với tài sản là vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ, trang thiết bị đặc chủng và các tài sản khác liên quan đến quốc phòng, an ninh; vật có giá trị lịch sử, giá trị văn hóa, bảo vật quốc gia, cổ vật, hàng lâm sản quý hiếm, không được sử dụng vào mục đích thương mại và các tài sản khác không được phép lưu hành.

Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan có liên quan công bố danh sách cụ thể các cơ quan quản lý chuyên ngành quy định tại Khoản này;

b) Chuyển giao cho cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội để quản lý, sử dụng đối với tài sản là máy móc, phương tiện vận tải, trang thiết bị và phương tiện làm việc, thiết bị phục vụ công tác chuyên môn theo tiêu chuẩn, định mức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định;

c) Nộp vào ngân sách nhà nước đối với tài sản là tiền Việt Nam, ngoại tệ;

d) Tiêu hủy đối với tài sản không còn khả năng sử dụng hoặc tài sản thuộc danh mục cấm sản xuất, kinh doanh và lưu thông theo quy định của pháp luật gồm: Văn hóa phẩm độc hại, ma túy, hàng giả không có giá trị sử dụng, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và các tài sản khác buộc phải tiêu hủy. Trường hợp đặc biệt cần xử lý theo hình thức khác để đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả thì đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản báo cáo cơ quan cấp trên (nếu có) để báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định xử lý;

đ) Bán theo quy định của pháp luật đối với các tài sản không thuộc quy định tại các Điểm a, b, c và d Khoản này.

3. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản:

a) Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là vật có giá trị lịch sử, giá trị văn hóa, cổ vật, bảo vật quốc gia theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan, trừ trường hợp luật, pháp lệnh có quy định khác;

b) Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt phương án chuyển giao tài sản quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 2 Điều này cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Trung ương quản lý hoặc chuyển giao giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với các trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản này.

Điều 24. Tổ chức xử lý tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu

1. Đối với tài sản chuyển giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành thực hiện quản lý, xử lý quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 23 Nghị định này, đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 5 Nghị định này tổ chức bàn giao tài sản cho cơ quan quản lý chuyên ngành.

Việc thực hiện bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành Biên bản theo mẫu do Bộ Tài chính quy định.

Sau khi tiếp nhận tài sản, cơ quan quản lý chuyên ngành có trách nhiệm quản lý, xử lý tài sản được tiếp nhận theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Đối với tài sản chuyển giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị để quản lý, sử dụng quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 23 Nghị định này, đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 5 Nghị định này tổ chức bàn giao tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận.

Việc thực hiện bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành Biên bản theo mẫu do Bộ Tài chính quy định.

Cơ quan, tổ chức, đơn vị nhận tài sản chuyển giao có trách nhiệm hạch toán tăng tài sản, thực hiện quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

3. Đối với tài sản là tiền Việt Nam thì Kho bạc Nhà nước thực hiện hạch toán nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Đối với tài sản là ngoại tệ thì đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản nộp vào tài khoản ngoại tệ của Kho bạc Nhà nước tại ngân hàng; Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm mua toàn bộ số ngoại tệ trên để chuyển nộp ngân sách nhà nước bằng đồng Việt Nam theo quy định.

4. Đối với tài sản quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 23 Nghị định này, đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 5 Nghị định này

phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp và các cơ quan có chức năng thực hiện tiêu hủy hoặc xử lý theo hình thức khác theo quy định tại Khoản 5 Điều 20 Nghị định này.

5. Đối với tài sản bán quy định tại Điểm đ Khoản 2 Điều 23 Nghị định này, đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 5 Nghị định này phối hợp với các cơ quan có chức năng thực hiện bán tài sản theo quy định tại Điều 25 Nghị định này.

Điều 25. Bán tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu

1. Việc bán vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu được thực hiện theo phương thức đấu giá công khai theo quy định của pháp luật, trừ các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này.

2. Các trường hợp bán chỉ định tài sản:

a) Tài sản có giá trị dưới 50 triệu đồng/01 đơn vị tài sản;

b) Tài sản là hàng hóa, vật phẩm dễ bị hư hỏng (thực phẩm tươi sống, dễ bị ôi thiu, khó bảo quản, hàng hóa dễ cháy, nổ, hàng thực phẩm đã qua chế biến nhưng hạn sử dụng còn dưới 30 ngày, động vật rừng hoang dã đã chết nhưng không thuộc đối tượng phải tiêu hủy theo quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng...); tài sản là hàng hóa công kênh, có trọng lượng lớn được chuyên chở trên các phương tiện giao thông đường thủy, đường biển mà việc bốc dỡ tốn kém, chi phí lớn;

c) Tài sản là vật tư, hàng hóa cấm nhập khẩu buộc phải tái xuất mà chỉ có một tổ chức kinh tế có chức năng tái xuất đối với vật tư, hàng hóa đó;

d) Trường hợp đã hết thời hạn đăng ký tham gia đấu giá tài sản mà chỉ có một tổ chức hoặc cá nhân đăng ký mua tài sản và trả giá ít nhất bằng giá khởi điểm.

3. Đối với tài sản bán đấu giá, việc tổ chức bán đấu giá tài sản được thực hiện như sau:

a) Đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 5 Nghị định này ký hợp đồng bán đấu giá với tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp hoặc thành lập Hội đồng bán đấu giá (trong trường hợp không thuê được tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp) để thực hiện bán đấu giá;

b) Việc xác định giá khởi điểm của tài sản bán đấu giá được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính;

c) Trình tự, thủ tục bán đấu giá tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản.

4. Đối với tài sản bán chỉ định, việc xác định giá bán và tổ chức bán thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước. Việc bán chỉ định tài sản phải được lập Biên bản theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Mục 3**QUẢN LÝ, XỬ LÝ TÀI SẢN VÔ CHỦ, TÀI SẢN BỊ ĐÁNH RƠI,
BỎ QUÊN, TÀI SẢN BỊ CHÔN GIẤU, BỊ CHÌM ĐÁM,
DI SẢN KHÔNG NGƯỜI THỪA KẾ, HÀNG HÓA TỒN ĐỘNG
ĐƯỢC XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU CỦA NHÀ NƯỚC**

Điều 26. Bảo quản tài sản vô chủ, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên, di sản không người thừa kế, hàng hóa tồn đọng

1. Đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản quy định tại Khoản 4, Khoản 6 Điều 5 Nghị định này có trách nhiệm bảo quản tài sản trong thời gian chờ xử lý.

Trường hợp đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản không có kho bãi để bảo quản tài sản thì được ủy quyền hoặc thuê cơ quan, tổ chức có đủ điều kiện về cơ sở vật chất, kho tàng để bảo quản. Việc ủy quyền, thuê bảo quản tài sản phải được lập thành hợp đồng theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp tài sản vô chủ, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên, di sản không có người thừa kế, hàng hóa tồn đọng có các loại tài sản quy định tại Khoản 2 Điều 17 Nghị định này thì việc bảo quản được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 17 của Nghị định này.

Điều 27. Lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản vô chủ, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên, di sản không người thừa kế, hàng hóa tồn đọng

1. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản, đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản quy định tại Khoản 4 Điều 5 Nghị định này có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản để trình cấp có thẩm quyền quy định tại Khoản 3 Điều này phê duyệt. Nội dung chủ yếu của phương án xử lý tài sản bao gồm: Chung loại, số lượng, hiện trạng tài sản và hình thức xử lý đối với từng loại tài sản.

2. Hình thức xử lý tài sản thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 23 Nghị định này.

3. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản quy định như sau:

a) Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là di tích lịch sử - văn hóa, cổ vật, bảo vật quốc gia theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có tài sản, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, trừ trường hợp luật, pháp lệnh có quy định khác;

b) Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt phương án chuyển giao tài sản cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Trung ương quản lý hoặc chuyển giao giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trừ tài sản quy định tại Điểm a Khoản này;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý đối với các trường hợp không thuộc phạm vi các Điểm a, b và d Khoản này;

d) Cục trưởng Cục Hải quan phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là hàng hóa tồn đọng.

Điều 28. Tổ chức xử lý tài sản vô chủ, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên, di sản không người thừa kế, hàng hóa tồn đọng

Việc xử lý tài sản vô chủ, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên, di sản không người thừa kế, hàng hóa tồn đọng được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước theo quy định của pháp luật thực hiện theo quy định tại Điều 24 và Điều 25 Nghị định này.

Điều 29. Chi thưởng đối với tổ chức, cá nhân phát hiện và giao nộp tài sản bị đánh rơi, bỏ quên

1. Tổ chức, cá nhân phát hiện và giao nộp tài sản bị đánh rơi, bỏ quên là di tích lịch sử - văn hóa, bảo vật quốc gia, cổ vật, tài sản thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh quốc gia được thưởng theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

2. Mức tiền thưởng đối với tổ chức, cá nhân quy định tại Khoản 1 Điều này được tính theo phương pháp lũy thoái từng phần, cụ thể như sau:

a) Phần giá trị của tài sản đến 10 triệu đồng thì tỷ lệ trích thưởng là 30%;

b) Phần giá trị của tài sản trên 10 triệu đồng đến 100 triệu đồng thì tỷ lệ trích thưởng là 15%;

c) Phần giá trị của tài sản trên 100 triệu đồng đến 1 tỷ đồng thì tỷ lệ trích thưởng là 7%;

d) Phần giá trị của tài sản trên 1 tỷ đồng đến 10 tỷ đồng thì tỷ lệ trích thưởng là 1%;

đ) Phần giá trị của tài sản trên 10 tỷ đồng thì tỷ lệ trích thưởng là 0,5%;

Giá trị của tài sản để trích thưởng được xác định sau khi trừ các khoản chi phí theo quy định tại Điều 36 Nghị định này.

3. Mức tiền thưởng cụ thể do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (đối với tài sản được tìm thấy là di tích lịch sử - văn hóa, bảo vật quốc gia, cổ vật), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với các tài sản khác) quyết định, tối đa không vượt quá 200 triệu đồng đối với mỗi gói thưởng.

4. Trường hợp có nhiều tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng được chi thưởng và giá trị tài sản bị đánh rơi, bỏ quên có giá trị đặc biệt thì các cấp có thẩm quyền quy định tại Khoản 3 Điều này trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định mức thưởng.

5. Bộ Tài chính hướng dẫn việc thành lập Hội đồng định giá, xác định giá trị tài sản bị đánh rơi, bỏ quên để làm căn cứ chi thưởng theo quy định tại Điều này.

Trường hợp không xác định được giá trị của tài sản bị đánh rơi, bỏ quên thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 3 Điều này quyết định mức tiền thưởng cụ thể, tối đa không vượt quá 200 triệu đồng. Trường hợp đặc biệt do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Điều 30. Thanh toán phần giá trị của tài sản cho tổ chức, cá nhân phát hiện và giao nộp tài sản bị đánh rơi, bỏ quên

1. Tổ chức, cá nhân phát hiện và giao nộp tài sản bị đánh rơi, bỏ quên mà không phải là di tích lịch sử - văn hóa, bảo vật quốc gia, cổ vật, không phải là tài sản thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh quốc gia có giá trị tài sản lớn hơn mười tháng lương tối thiểu do Nhà nước quy định áp dụng tại thời điểm giao nộp tài sản, sau khi trừ chi phí bảo quản thì tổ chức, cá nhân phát hiện và giao nộp tài sản được hưởng giá trị bằng mười tháng lương tối thiểu và 50% giá trị của phần vượt quá mười tháng lương tối thiểu do Nhà nước quy định.

2. Cấp có thẩm quyền quy định tại Khoản 3 Điều 27 Nghị định này quyết định mức được hưởng của tổ chức, cá nhân phát hiện và giao nộp tài sản bị đánh rơi, bỏ quên.

3. Tổ chức, cá nhân được thưởng theo quy định tại Điều 29 Nghị định này thì không được hưởng phần giá trị của tài sản theo quy định tại Điều này; tổ chức, cá nhân được hưởng phần giá trị của tài sản theo quy định tại Điều này thì không được thưởng theo quy định tại Điều 29 Nghị định này.

Điều 31. Thăm dò, khai quật, trục vớt, tiếp nhận, bảo quản, xử lý tài sản bị chôn giấu, bị chìm đắm và chi thường, thanh toán phần giá trị của tài sản cho tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy

Việc tổ chức thăm dò, khai quật, trục vớt, tiếp nhận, bảo quản, xử lý tài sản bị chôn giấu, bị chìm đắm và chi thường, thanh toán phần giá trị của tài sản cho tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 96/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về việc xử lý tài sản bị chôn giấu, bị chìm đắm được phát hiện hoặc tìm thấy thuộc đất liền, các hải đảo và vùng biển Việt Nam (sau đây gọi tắt là Nghị định số 96/2009/NĐ-CP) và Nghị định số 128/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về xử lý tài sản chìm đắm trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển và vùng biển Việt Nam (sau đây gọi tắt là Nghị định số 128/2013/NĐ-CP).

Mục 4**QUẢN LÝ, XỬ LÝ TÀI SẢN DO CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TỰ NGUYỆN CHUYỂN GIAO QUYỀN SỞ HỮU CHO NHÀ NƯỚC****Điều 32. Tiếp nhận, bảo quản tài sản**

1. Đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản quy định tại Khoản 7, Khoản 8 Điều 5 Nghị định này có trách nhiệm tiếp nhận, bảo quản tài sản trong thời gian chờ xử lý.

Trường hợp đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản không có kho bãi để bảo quản tài sản thì được ủy quyền hoặc thuê cơ quan, tổ chức có đủ điều kiện cơ sở vật chất, kho tàng để bảo quản. Việc ủy quyền, thuê bảo quản tài sản phải được lập thành hợp đồng theo quy định của pháp luật.

2. Đối với tài sản do phía nước ngoài chuyển giao nhưng chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế với Nhà nước thì đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản phải làm thủ tục chuyển nhượng và nộp thuế theo quy định của pháp luật trước khi trình cấp có thẩm quyền xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản và phê duyệt phương án xử lý tài sản.

Trường hợp đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản không bố trí được kinh phí để tạm ứng nộp thuế thì đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản quyết định nộp thuế sau khi bán, thanh lý tài sản hoặc giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị được tiếp nhận tài sản điều chuyển làm thủ tục nộp thuế theo quy định của pháp luật.

Điều 33. Xử lý tài sản khi chuyển giao đã xác định cụ thể cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng

1. Lập phương án xử lý tài sản:

Căn cứ tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản lập phương án xử lý tài sản cùng với hồ sơ đề nghị xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình cấp có thẩm quyền quy định tại Khoản 2 Điều này xem xét, quyết định theo các hình thức sau đây:

a) Trường hợp tài sản chuyển giao phù hợp với đối tượng, điều kiện tiếp nhận, tiêu chuẩn, định mức, chế độ theo quy định của pháp luật thì giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận quản lý, sử dụng;

b) Trường hợp tài sản chuyển giao không phù hợp với đối tượng, điều kiện tiếp nhận, tiêu chuẩn, định mức, chế độ theo quy định của pháp luật thì đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị phải từ chối, trường hợp không từ chối được thì xử lý bán theo quy định tại Khoản 4 Điều này.

2. Thẩm quyền quyết định phương án xử lý: Cấp có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản quy định tại Khoản 4 Điều 8 Nghị định này có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản.

3. Đối với tài sản chuyển giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng, cơ quan, tổ chức, đơn vị nhận tài sản có trách nhiệm hạch toán tăng tài sản, thực hiện quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

4. Đối với tài sản bán: Thực hiện theo quy định tại Điều 25 Nghị định này.

Điều 34. Xử lý tài sản khi chuyển giao không xác định cụ thể cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng

1. Đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản quy định tại Khoản 8 Điều 5 Nghị định này lập phương án xử lý tài sản cùng với hồ sơ đề nghị xác lập quyền sở hữu của

Nhà nước về tài sản, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình cấp có thẩm quyền quy định tại Khoản 2 Điều này xem xét, quyết định theo các hình thức sau đây:

a) Chuyển giao cho các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội có nhu cầu sử dụng tài sản mà còn thiếu tài sản so với tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định;

b) Thanh lý đối với các tài sản đã vượt quá thời gian sử dụng theo chế độ mà không thể tiếp tục sử dụng; tài sản bị hư hỏng không thể sử dụng được hoặc việc sửa chữa không có hiệu quả;

c) Bán đối với các tài sản không thuộc phạm vi Điểm a, Điểm b Khoản này.

2. Cấp có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản quy định tại Khoản 4 Điều 8 Nghị định này có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản.

Riêng đối với tài sản do các tổ chức, cá nhân tặng lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Quốc hội, việc phê duyệt phương án xử lý thực hiện sau khi có ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Quốc hội.

3. Đối với tài sản chuyển giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng, đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản quy định tại Khoản 8 Điều 5 Nghị định này tổ chức bàn giao tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận. Việc thực hiện bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành Biên bản theo mẫu do Bộ Tài chính quy định.

Cơ quan, tổ chức, đơn vị nhận tài sản chuyển giao có trách nhiệm hạch toán tăng tài sản, thực hiện quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

4. Đối với tài sản thanh lý: Thực hiện theo quy định tại Khoản 7 Điều 20 Nghị định này.

5. Đối với tài sản bán: Thực hiện theo quy định tại Điều 25 Nghị định này.

Điều 35. Xử lý tài sản của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết

1. Đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản quy định tại Khoản 9 Điều 5 Nghị định này lập phương án xử lý tài sản theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về đất đai, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, trình cấp có thẩm quyền quy định tại Khoản 2 Điều này xem xét, quyết định.

2. Cấp có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản quy định tại Khoản 5 Điều 8 Nghị định này có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản.

3. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể việc xử lý tài sản quy định tại Điều này.

Chương IV

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH TRONG QUẢN LÝ, XỬ LÝ TÀI SẢN ĐƯỢC XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU CỦA NHÀ NƯỚC

Điều 36. Các khoản chi phí

1. Các khoản chi phí liên quan đến việc xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản, quản lý và xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước bao gồm:

a) Chi phí vận chuyển, bảo quản; chi phí kiểm nghiệm, giám định, định giá tài sản tạm giữ; chi bồi thường tổn thất do nguyên nhân khách quan (nếu có) tới thời điểm có quyết định phê duyệt phương án xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trường hợp cơ quan tiếp nhận, bảo quản tài sản đã được Nhà nước bố trí kho bãi, phương tiện vận tải, kinh phí thường xuyên thì không được thanh toán các khoản chi phí liên quan đến việc vận chuyển, bảo quản những tài sản đó;

b) Chi phí giao, nhận, bốc dỡ, vận chuyển, bảo quản tài sản từ thời điểm có quyết định phê duyệt phương án xử lý của cơ quan có thẩm quyền đến khi hoàn thành việc xử lý;

c) Các chi phí phát sinh trong quá trình xử lý bán tài sản: Chi phí định giá khởi điểm; chi thuê giám định, thuê sửa chữa tài sản để bán nếu tài sản phải sửa chữa mới bán được; chi khắc phục tổn thất về tài sản do nguyên nhân khách quan; phí bán đấu giá trả cho tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp, chi phí bán đấu giá do Hội đồng bán đấu giá thực hiện (đối với trường hợp bán đấu giá thông qua Hội đồng bán đấu giá tài sản);

d) Thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) đối với trường hợp hàng thuộc diện tạm nhập, tái xuất nhưng nay cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép nhập khẩu chính thức;

đ) Phí, lệ phí (nếu có);

e) Chi phí cho việc chăm sóc, cứu hộ động vật hoang dã trước khi xử lý theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

g) Chi phí thực hiện tiêu hủy tài sản;

h) Các khoản chi khác có liên quan.

Các khoản chi phí liên quan đến việc thăm dò, khai quật, trục vớt, xử lý tài sản bị chôn giấu, bị chìm đắm được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 96/2009/NĐ-CP và Nghị định số 128/2013/NĐ-CP.

2. Đối với các khoản chi đã có tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định thì thực hiện theo quy định đó. Đối với các khoản chi phí chưa có tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định thì Thủ trưởng đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản quyết định trên cơ sở thực tế phát sinh và khả năng kinh phí thực hiện xử lý tài sản và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

3. Việc thanh toán các khoản chi quy định tại Điều này được thực hiện theo mức chi thực tế hoặc khoán kinh phí theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

4. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể quy định tại Điều này.

Điều 37. Nguồn kinh phí

1. Đối với tài sản được xử lý bán thì nguồn kinh phí để chi trả được sử dụng từ số tiền thu được do bán tài sản đã nộp vào tài khoản tạm giữ của cơ quan nhà nước (Bộ Tài chính, Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch) được mở tại Kho bạc nhà nước. Trường hợp số tiền thu được do bán tài sản không đủ để thanh toán các khoản chi phí mà tài khoản tạm giữ theo dõi riêng đối với cơ quan, đơn vị xử lý tài sản còn số dư thì được sử dụng để hỗ trợ thanh toán các khoản chi phí, nếu thiếu thì đề nghị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

2. Đối với tài sản được xử lý theo hình thức khác (chuyển giao, tiêu hủy) thì nguồn kinh phí để chi cho các nội dung quy định tại Điều 36 của Nghị định này được bố trí như sau:

a) Ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của đơn vị được giao chủ trì quản lý, xử lý tài sản để bảo đảm kinh phí thực hiện việc xử lý tài sản;

b) Đối với các tài sản chuyển giao cho các cơ quan quản lý chuyên ngành để quản lý, xử lý hoặc chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị để quản lý, sử dụng thì các chi phí phát sinh trước khi có quyết định phê duyệt phương án xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền được thực hiện theo quy định tại Điểm a Khoản này; các chi phí phát sinh từ khi có quyết định phê duyệt phương án xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đến khi hoàn thành việc bàn giao do cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản chi trả.

3. Nguồn kinh phí chi thường và thanh toán phần giá trị của tài sản cho các tổ chức, cá nhân phát hiện và giao nộp tài sản bị đánh rơi, bỏ quên theo quy định tại Điều 29 và Điều 30 của Nghị định này được thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này.

Điều 38. Quản lý số tiền thu được từ việc xử lý tài sản

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định tại Điều 36 Nghị định này được nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Tài sản do cơ quan, đơn vị thuộc Trung ương xử lý thì tiền thu được từ việc xử lý tài sản nộp vào ngân sách trung ương; tài sản do cơ quan, đơn vị thuộc địa phương xử lý thì tiền thu được từ việc xử lý tài sản nộp vào ngân sách địa phương.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 39. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.
2. Từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, các quy định sau đây sẽ hết hiệu lực thi hành:
 - a) Điều 20, Điều 21, Điều 22 Nghị định số 14/1998/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 1998 của Chính phủ về quản lý tài sản nhà nước;
 - b) Nghị định số 137/2006/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ quy định việc phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước;
 - c) Khoản 2 Điều 13 Quyết định số 64/2007/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế về việc tặng quà, nhận quà và nộp lại quà tặng của cơ quan nhà nước và cán bộ, công chức, viên chức;
 - d) Điều 19, đoạn 2 Khoản 1 Điều 25 Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản.

Điều 40. Hướng dẫn thi hành

1. Bộ Tài chính có trách nhiệm:
 - a) Hướng dẫn thực hiện các điều, khoản giao Bộ Tài chính hướng dẫn quy định tại Nghị định này;
 - b) Ban hành các biểu mẫu để thực hiện Nghị định này.
2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng